

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VND145,000

Tiềm năng tăng/giảm: 16.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/9/2024)	124,600
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	69,586-160,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	124,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	14,252
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	579
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	11,299	13,389	15,507
EBITDA đc (tỷ đồng)	893	1,050	1,530
LNTT (tỷ đồng)	645	674	838
LNT ĐC (tỷ đồng)	389	407	506
FCF (tỷ đồng)	91.1	(1,305)	(631)
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,558	4,425
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200
BVPS (đồng)	17,404	19,961	23,186
T.trưởng EBITDA (%)	15.4	17.6	45.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.61	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	7.84	9.86
Tỷ suất LNTT (%)	5.71	5.03	5.40
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.57	4.03	4.32
Tỷ lệ LN trả CT (%)	80.0	28.1	27.1
Nợ thuần/VCSH (%)	71.2	130	146
ROAE (%)	28.5	25.2	27.2
ROACE (%)	29.5	25.7	25.0
EV/doanh thu (lần)	1.24	1.17	1.07
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.7	14.9	10.9
P/E ĐC (lần)	36.6	35.0	28.2
P/B (lần)	7.16	6.24	5.37
Lợi suất cổ tức (%)	2.18	0.80	0.96

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 8/2024: LNTT tăng 2% so với cùng kỳ; tỷ lệ dùng chung trạm tăng

- CTR công bố KQKD tháng 8/2024 với doanh thu đạt 1.158 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 59 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ). Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, doanh thu và LNTT của CTR đạt lần lượt 8 nghìn tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và 423 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ), đều sát với dự báo của HSC.
- Trong tháng 8/2024, CTR đã bổ sung thêm 226 trạm BTS, nâng tổng số trạm lên 8.447 trạm tại thời điểm cuối tháng 8 (tăng 2.011 trạm so với thời điểm cuối năm 2023). Đáng chú ý, tỷ lệ dùng chung trạm đã tăng lên mức 1,04, so với 1,03 trong những tháng trước.
- HSC kỳ vọng việc thương mại hóa mạng 5G (Viettel dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 10/2024), sẽ thúc đẩy nhu cầu về các trạm BTS 5G mới, và CTR sẽ là doanh nghiệp hưởng lợi chính với vai trò là doanh nghiệp hàng đầu trong mảng towerco tại Việt Nam. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 145.000đ.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 8/2024

CTR đã công bố KQKD tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024. Theo đó, trong tháng 8/2024, doanh thu và LNTT đạt lần lượt 1.158 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và 3% so với tháng trước) và 59 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ và 3% so với tháng trước). Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, KQKD sát dự báo của HSC với doanh thu đạt 7.935 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 423 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). KQKD này bằng lần lượt 59% và 63% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Tỷ suất LNTT giảm xuống mức 5,3% trong 8 tháng đầu năm 2024, so với 5,7% trong 8 tháng đầu năm 2023, chủ yếu do chi phí khấu hao tăng lên từ các trạm BTS mới chưa đưa vào hoạt động, và chi phí tài chính tăng (bao gồm lãi vay và lỗ tỷ giá).

Hầu hết các mảng kinh doanh đều tăng trưởng tích cực, dẫn đầu là mảng cho thuê hạ tầng

Trong tháng 8/2024, hầu hết các mảng kinh doanh đều ghi nhận tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ với mảng cho thuê hạ tầng dẫn đầu tuyệt đối. Cụ thể như sau:

- Doanh thu mảng vận hành mạng lưới tăng 17% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024 (đạt 513 tỷ đồng), và tăng 6% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2024 (đạt 3.931 tỷ đồng).
- Doanh thu mảng xây dựng tăng 7% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024 (đạt 384 tỷ đồng) và tăng 29% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2024 (đạt 2.495 tỷ đồng) nhờ tăng trưởng tích cực từ mảng xây dựng dân dụng, trong khi doanh thu mảng xây dựng CSHT viễn thông hầu như không thay đổi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 8/2024 & 8 tháng đầu năm 2024, CTR

LNTT tháng 8/2024 tăng 2% so với cùng kỳ, đạt 59 tỷ đồng

Tỷ đồng	T8/23	T8/24	% sv cùng kỳ	8T23	8T24	% sv cùng kỳ	% dự báo
Doanh thu	1,020	1,158	13.5%	7,132	7,935	11.3%	59.3%
LNTT	58.5	59.4	1.5%	407	423	3.9%	62.7%
Tỷ suất LNTT	5.7%	5.1%		5.7%	5.3%		

Nguồn: CTR, HSC

Tuy nhiên, doanh thu mảng xây dựng CSHT viễn thông dự kiến sẽ cải thiện trong phần còn lại của năm khi CTR là nhà thầu chính về lắp đặt thiết bị 5G để hỗ trợ quá trình thương mại hóa mạng 5G của Viettel, với kế hoạch ra mắt vào tháng 10/2024. Theo đó, CTR sẽ lắp đặt thiết bị 5G trên 4.118 trạm BTS hiện có (trong tổng số 6.010 trạm BTS của Viettel) tại 55 trên 63 tỉnh, thành phố.

- Doanh thu mảng cho thuê hạ tầng viễn thông tăng mạnh 53% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024 (đạt 55 tỷ đồng), và tăng 42% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2024 (đạt 391 tỷ đồng), nhờ các trạm BTS mới.

Trong tháng 8/2024, CTR đã bổ sung thêm 226 trạm BTS, nâng tổng số trạm lên 8.447 trạm tại thời điểm cuối tháng 8 (tăng 2.011 trạm so với thời điểm cuối năm 2023). Tiến độ xây dựng trạm BTS trong tháng 8 chậm hơn một chút so với các tháng trước (khoảng 400 trạm mỗi tháng từ tháng 4 đến tháng 7) do các công tác chuẩn bị cho bão. HSC kỳ vọng tốc độ xây dựng sẽ đẩy nhanh trong Q4/2024, với tổng số trạm BTS đạt 10.000 trạm vào cuối năm 2024.

Đáng chú ý, đến cuối tháng 8, có 335 trạm BTS có hơn một khách thuê, dẫn đến tỷ lệ dùng chung trạm tăng lên 1,04, so với 1,03 trong những tháng trước, và tăng nhanh hơn so với dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ dùng chung trạm cao hơn sẽ giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận mảng cho thuê.

- Doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật tăng 15% so với cùng kỳ trong tháng 8/2024 (đạt 204 tỷ đồng) và tăng 20% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2024 (đạt 1.075 tỷ đồng).

Tác động từ bão không đáng kể

CTR hầu như không bị ảnh hưởng từ cơn bão gần đây ở Việt Nam, ngoại trừ việc tốc độ xây dựng trạm BTS chậm lại một chút trong tháng 8 và tháng 9/2024. Không có trạm BTS nào thuộc sở hữu của CTR bị hư hại trong cơn bão. Tuy nhiên, một số trạm và cáp thuộc sở hữu của Viettel đã bị hư hại, vì vậy CTR có thể sẽ có thêm doanh thu từ mảng vận hành mạng lưới từ việc hỗ trợ sửa chữa CSHT bị hư hỏng của Viettel.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

HSC hiện giữ nguyên các dự báo. Theo đó, lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng 4% trong năm nay (đạt 539 tỷ đồng), sau đó tăng trưởng 24% trong các năm 2025 và 2026 (đạt lần lượt 670 tỷ đồng và 832 tỷ đồng).

Trong khi đó, EBITDA dự báo tăng trưởng 15% trong năm nay (đạt 1.014 tỷ đồng), sau đó tăng trưởng mạnh 48% trong năm 2025 (đạt 1.500 tỷ đồng), và tăng trưởng 32% trong năm 2026 (đạt 1.981 tỷ đồng), khi các khoản đầu tư vào mảng cho thuê hạ tầng bắt đầu mang lại lợi nhuận.

Theo dự báo hiện tại của chúng tôi, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh dự phóng cho năm 2024, 2025, 2025 lần lượt là 17,7 lần, 11,7 lần và 8,8 lần. Hai mức định giá sau đang nhỏ hơn so với các đối thủ nước ngoài nhờ vào mức tăng trưởng EBITDA mạnh mẽ của CTR. Lưu ý, HSC trừ quỹ khen thưởng và phúc lợi khỏi EBITDA để tính ra EBITDA điều chỉnh, nhằm đảm bảo sự so sánh hợp lý với các đối thủ nước ngoài. CTR cũng đang có EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 13,0 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ là 10,9 lần. Việc CTR được định giá lại ở mặt bằng cao hơn này không gây ngạc nhiên nhờ quá trình chuyển đổi từ một nhà thầu thành một doanh nghiệp towerco.

HSC kỳ vọng việc thương mại hóa mạng 5G sẽ thúc đẩy nhu cầu về các trạm BTS 5G mới, và CTR sẽ là doanh nghiệp hưởng lợi chính với vai trò là doanh nghiệp hàng đầu trong mảng towerco tại Việt Nam. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 16%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, CTR

Mảng cho thuê hạ tầng dẫn đầu tăng trưởng doanh thu

Tỷ đồng	T8/23	T8/24	% so với cùng kỳ	8T2023	8T2024	% so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,020	1,158	13.5%	7,132	7,935	11.3%
Vận hành	440	513	16.5%	3,724	3,931	5.5%
Xây dựng	360	384	6.8%	1,938	2,495	28.7%
Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật	177	204	15.1%	899	1,075	19.6%
Cho thuê hạ tầng	36	55	53.1%	275	391	42.1%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Lắp đặt trạm BTS, CTR

Tỷ lệ dùng chung trạm BTS tăng lên 1,04 lần trong tháng 8, cao hơn mức 1,03 lần trong những tháng trước

	Q1/24	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24
Tổng số lượng trạm BTS	6,589	6,989	7,393	7,809	8,221	8,447
Số lượng trạm BTS mới	153	400	404	416	412	226
Tổng số lượng trạm BTS mới từ đầu năm	153	553	957	1,373	1,785	2,011
Số trạm dùng chung	226	230	240	255	270	335
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.03	1.03	1.03	1.03	1.03	1.04

Nguồn: CTR, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	9,467	11,299	13,389	15,507	17,809
Lợi nhuận gộp	757	886	1,023	1,259	1,538
Chi phí BH&QL	(189)	(249)	(295)	(342)	(392)
Thu nhập khác	1.10	2.82	0	0	0
Chi phí khác	(1.26)	(4.96)	(5.88)	(6.81)	(7.82)
EBIT	567	635	723	911	1,138
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	570	645	674	838	1,040
Chi phí thuế TNDN	(113)	(129)	(135)	(168)	(208)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.03	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	457	517	539	670	832
Lợi nhuận thuần ĐC	390	389	407	506	628
EBITDA ĐC	774	893	1,050	1,530	2,011
EPS (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
EPS ĐC (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
DPS (đồng)	2,919	2,720	1,000	1,200	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Đầu tư ngắn hạn	1,222	1,000	803	620	712
Phải thu khách hàng	2,472	2,945	3,481	3,954	4,452
Hàng tồn kho	819	783	1,071	1,163	1,247
Các tài sản ngắn hạn khác	84.5	81.1	93.7	101	107
Tổng tài sản ngắn hạn	5,010	5,627	5,539	5,816	6,511
TSCĐ hữu hình	374	285	186	85.3	(18.7)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	563	829	2,220	3,322	3,374
Đầu tư dài hạn	93.6	152	152	152	152
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.6	35.7	42.2	48.9	56.2
Tổng tài sản dài hạn	1,050	1,302	2,601	3,609	3,564
Tổng cộng tài sản	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
Nợ ngắn hạn	1,197	1,191	1,339	1,551	1,425
Phải trả người bán	519	594	723	853	997
Nợ ngắn hạn khác	1,916	1,926	1,896	1,896	1,896
Tổng nợ ngắn hạn	4,140	4,541	4,910	5,375	5,528
Nợ dài hạn	269	383	946	1,397	1,438
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.2	14.7	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	283	398	946	1,397	1,438
Tổng nợ phải trả	4,423	4,938	5,856	6,772	6,966
Vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.05	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
BVPS (đ)	14,312	17,404	19,961	23,186	27,176
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,052	756	2,196	2,971	2,869

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	567	635	723	911	1,138
Khấu hao	(206)	(258)	(328)	(619)	(873)
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Thuế TNDN đã nộp	(108)	(57.7)	(135)	(168)	(208)
Thay đổi vốn lưu động	(538)	(200)	(573)	(311)	(302)
Khác	(7.05)	127	31.0	17.3	(299)
LCT thuần từ HKKD	72.2	575	315	989	1,100
Đầu tư TS dài hạn	(407)	(483)	(1,620)	(1,620)	(820)
Góp vốn & đầu tư	(1,652)	(1,549)	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	539	1,874	(6.59)	(6.68)	(7.26)
LCT thuần từ HĐĐT	(1,520)	(159)	(1,627)	(1,627)	(827)
Cổ tức trả cho CSH	(91.9)	(120)	(114)	(137)	(172)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,285	108	712	663	(85.4)
Khác	0	0	(14.7)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,194	(11.8)	583	525	(257)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	668	414	818	89.3	(22.7)
LCT thuần trong kỳ	(254)	404	(729)	(112)	15.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.12)	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Dòng tiền tự do	(334)	91.1	(1,305)	(631)	280

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.99	7.84	7.64	8.12	8.64
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.17	7.90	7.84	9.86	11.3
Tỷ suất LNT (%)	4.83	4.57	4.03	4.32	4.67
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	20.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.1	19.4	18.5	15.8	14.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	15.4	17.6	45.6	31.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng DPS (%)	192	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	85.6	80.0	28.1	27.1	27.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	31.0	28.5	25.2	27.2	28.9
ROACE (%)	33.4	29.5	25.7	25.0	26.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.89	1.74	1.78	1.77	1.83
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.13	0.91	0.44	1.09	0.97
Số ngày tồn kho	34.3	27.5	31.6	29.8	28.0
Số ngày phải thu	104	103	103	101	99.9
Số ngày phải trả	21.7	20.8	21.3	21.8	22.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	89.0	71.2	130	146	126
Nợ/tài sản (%)	30.9	32.2	37.7	40.9	38.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	14.8	12.5	11.6
Nợ/EBITDA (lần)	2.42	2.50	2.92	2.52	1.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.21	1.24	1.13	1.08	1.18
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.49	1.24	1.17	1.07	0.92
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.2	15.7	14.9	10.9	8.16
P/E (lần)	36.5	36.6	35.0	28.2	22.7
P/E ĐC (lần)	36.5	36.6	35.0	28.2	22.7
P/B (lần)	8.71	7.16	6.24	5.37	4.58
Lợi suất cổ tức (%)	2.34	2.18	0.80	0.96	1.20

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn